

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành, bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tăng Sau L**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh **Lâm Thanh H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tăng Sau L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 02-8-2007. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không quan tâm đến gia đình, vợ con, chị đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Từ tháng 6-2022 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 11/4/2007; Lâm Gia Ng, sinh ngày 24/9/2009 và Lâm Gia Ph, sinh ngày 06/6/2015. Hiện nay các con chung đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bị đơn anh Lâm Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thông nhất như lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân. Vợ chồng chung sống hơn 15 năm vẫn hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau do bất đồng quan điểm nhưng vẫn hòa giải được. Tuy nhiên khoảng gần nửa năm nay khi anh đi làm ở huyện Long Thành thì vợ anh có liên lạc yêu cầu ly hôn với lý do không còn tình cảm nữa. Từ đó đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 11/4/2007; Lâm Gia Ng, sinh ngày 24/9/2009 và Lâm Gia Ph, sinh ngày 06/6/2015. Khi ly hôn anh đồng ý giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Lâm Thanh H. Đề nghị giao các con chung cho chị L được nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Lâm Thanh H có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị L và anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 02-8-2007. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời khai của chị L, anh H và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị L trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 6-2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với nhau. Từ tháng 6/2022 đến nay vợ chồng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh H cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã không còn sống chung với nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H thì anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Xét, chị L, anh H hiện nay đã không còn sống chung với nhau , bản thân anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Như vậy, có căn cứ xác định chị L và anh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị L, anh H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 03 người con chung Lâm Gia H1, sinh ngày 11/4/2007; Lâm Gia Ng, sinh ngày 24/9/2009 và Lâm Gia Ph, sinh ngày 06/6/2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Lâm Gia H1, sinh ngày 11/4/2007; Lâm Gia Ng, sinh ngày 24/9/2009 và Lâm Gia Ph, sinh ngày 06/6/2015, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H cũng đồng ý giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các con chung đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu H1, cháu Ng, cháu Ph là con chung trên 07 tuổi có nguyện vọng mong muốn được ở với chị L, bản thân chị L có trách nhiệm chăm sóc, có nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, đồng thời chị L, anh H thỏa thuận giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của các bên đương sự cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1, cháu Ng, cháu Ph cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh H trình bày không có, không yêu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Sau L.

- Về hôn nhân: Chị Tăng Sau L được ly hôn với anh Lâm Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Gia H1, sinh ngày 11/4/2007; cháu Lâm Gia Ng, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Lâm Gia Ph, sinh ngày 06/6/2015 cho chị Tăng Sau L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh H chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Tăng Sau L phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002897 ngày 24-10-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thịnh (số 58, ngày 02-8-2007) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại